TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ BẮC GIANG** **TỈNH BẮC GIANG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 51/2022/QĐST- HNGĐ	*Bắc Giang, ngày 29 tháng 3 năm 2022*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 406/2021/TLST-HNGĐ ngày 10/12/2021 về việc "*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*" giữa:

* Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị N, sinh năm 1991

Địa chỉ: Số nhà 06, ngách 32, đường Giáp Hải 1, phường Xương Giang, thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang.

* Bị đơn: Anh Lê Quốc H, sinh năm 1980

Địa chỉ: Số nhà 223, đường Nguyễn Công Hãng, phường Trần Phú, thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang.

Căn cứ vào Điều 212, Điều 213 và khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, 58, 81, 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ khoản 5, điểm a, b khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 21 tháng 3 năm 2022.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 21/3/2022 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị N và anh Lê Quốc H.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự, cụ thể như sau:

2.1. Về con chung: Anh Lê Quốc H và chị Nguyễn Thị N có 02 con chung là Lê Quốc L, sinh ngày 13/3/2010 và Lê Bảo N, sinh ngày 31/7/2016. Anh H và chị N thống nhất thỏa thuận anh H trực tiếp nuôi dưỡng con chung là Lê Quốc L và Lê Bảo N.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị Nguyễn Thị N và anh Lê Quốc H thỏa thuận chị Nguyễn Thị N có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung là Lê Quốc L và Lê Bảo N số tiền 3.000.000đồng/01tháng/02 cháu (tức 1.500.000đồng/tháng/01 cháu). Thời gian cấp dưỡng từ tháng 4/2022 cho đến khi cháu Lê Quốc L và Lê Bảo N tròn 18 tuổi.

Sau ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom con, không ai được cản trở người đó thực hiện quyền này.

2.2. Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.3. Về án phí: Chị Nguyễn Thị N phải chịu cả 150.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm ly hôn và phải nộp 150.000đồng án phí cấp dưỡng nuôi con nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số 0001250 ngày 07/12/2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Bắc Giang.

2.4. Về nghĩa vụ chậm thi hành án: Kể từ ngày Quyết định có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thia hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2.5. Về hướng dẫn thi hành án dân sự: Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2- Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; 7, 7a, 7b và 9 - Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 - Luật thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bắc Giang;
- CCTHADS TP Bắc Giang;
- VKS TP Bắc Giang;
- Các đương sự;
- UBND phường Trần Phú, tp Bắc Giang;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Đinh Thị Thu Hà